TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04/7/2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Phạm Trọng Thứ**
2. **Bà Phạm Thị Loan**

**** Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu –** Thư ký Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà:*** **Ông Vũ Công Huân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh Đỗ Trọng T,** sinh năm 1981
- *Bị đơn:* **Chị Phạm Thị Hồng C**, sinh năm 1983
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ông Đỗ Trọng T1**, sinh năm 1932 và **bà Hà Thị T2**, sinh năm 1933

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt anh T; Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt; Vắng mặt ông T1, bà T2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2024, bản tự khai ngày 06/02/2024, biên bản hòa giải các ngày 06/02/2024, 05/5/2024, 16/5/2024 và tại phiên tòa anh Đỗ Trọng T nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Phạm Thị Hồng C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/12/2005 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị Phạm Thị Hồng C.

- *Về con chung:* Anh và chị C có 01 con chung là Đỗ Trọng M, sinh ngày 11/7/2008. Ly hôn anh xin được nuôi con chung Đỗ Trọng M và không yêu cầu chị C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 06/02/2024; biên bản hòa các giải ngày 06/02/2024, 05/5/2024, 16/5/2024 chị Phạm Thị Hồng C bị đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đỗ Trọng T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/12/2005 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có biểu hiện ngoại tình từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xô xát, anh T cũng không quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

- *Về con chung:* Chị và anh T có 01 con chung là Đỗ Trọng M, sinh ngày 11/7/2008. Ly hôn chị đồng ý nhường quyền nuôi con chung Đỗ Trọng M cho anh T trực tiếp nuôi và chấp nhận việc anh T không yêu chị phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 107, tờ bản đồ số 12 có diện tích 269,5m^2 tại thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình trên đất có 01 nhà mái bằng xây năm 2006, nhà ngang xây năm 2015 giá trị nhà và đất khoảng 500.000.000 đồng. Quan điểm của chị: Chia đôi mỗi người ½ diện tích đất và nhà ở.

Về nguồn gốc đất ở và đất trồng cây lâu năm tại thửa 107, tờ bản đồ số 12 có diện tích 269,5m^2 mà vợ chồng đang ở là của bố mẹ chồng chị (ông T1, bà T2) làm thủ tục tặng cho vợ chồng, khi làm thủ tục tặng cho thì bố mẹ chồng cho cả các tài sản trên đất gồm nhà mái bằng và các công trình khác gắn liền với đất. Vợ chồng không xây dựng công trình gì trên đất chỉ có xây dựng nhà ngang mà vợ chồng đang ở đóng góp cho bố mẹ là khoảng 30.000.000 đồng, làm cổng và mái tôn vợ chồng đóng góp 15.000.000 đồng.

3. Tại đơn đề nghị của bà Hà Thị T2 nộp cho Tòa án ngày 27/3/2024 và biên bản xác minh ngày 27/3/2024, bà trình bày: Nguồn gốc đất hiện ông bà và anh T, chị C đang ở là của bà và ông Đỗ Trọng T1, năm 2021 bà và ông

T1 đã làm hợp đồng tặng cho anh T, chị C toàn bộ đất và các tài sản gắn liền với đất. Nay anh T, chị C ly hôn quan điểm của ông bà không cho và không ai được xâm phạm đến tài sản của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Trọng T được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng C.

+ Về con chung: Anh T và chị C có 01 con chung là Đỗ Trọng M, sinh ngày 11/7/2008. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Trọng M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ngày 26/6/2024, chị C có đơn xin rút yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu giải quyết tài sản chung của chị C.

+ Về nợ: Anh T, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chị C số tiền tạm ứng án phí dân sự chia tài sản chung.

+ Về chi phí tố tụng: Chị C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng không buộc anh T phải chịu, chị C đã nộp xong nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:***

- Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung giữa anh T, chị C là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Q, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Q giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là nghiêm chỉnh.

- Tại phiên tòa ngày 11/6/2024, ông Đỗ Trọng T1 và bà Hà Thị T2 đã

được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1, bà T2 vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 04/7/2024, ông Đỗ Trọng T1 và bà Hà Thị T2 vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông T1, bà T2.

- Chị Phạm Thị Hồng C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt chị C.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh T và chị C kết hôn ngày 27/12/2005 tự nguyện có đăng ký tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị C đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần phân tích, khuyên giải để anh T, chị C bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, anh T vẫn cương quyết xin ly hôn, chị C cũng đồng ý. Vì vậy, HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] ***Về con chung:*** Anh T và chị C có 01 con chung là Đỗ Trọng M, sinh ngày 11/7/2008. Ly hôn, chị C ngường quyền nuôi con cho anh T và cháu M có đơn xin được ở với anh T nên xét thấy cần giao con chung Đỗ Trọng M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] ***Về tài sản:***

- Quá trình giải quyết vụ án anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 26/6/2024, chị C có đơn xin rút yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ yêu cầu giải quyết tài sản chung của chị Phạm Thị Hồng C.

[5] ***Về nợ:*** Anh T và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] ***Về án phí:*** Anh Đỗ Trọng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Trả lại chị Phạm thị Hồng C1 tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

[7] ***Về chi phí tố tụng:*** Chị Phạm Thị Hồng C tự nguyện chịu toàn bộ chi

phí tố tụng là 6.900.000 đồng (chị C đã nộp xong), chị C không yêu cầu anh T phải nộp lại để trả cho chị. Vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[8] ***Quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Trọng T được ly hôn chị Phạm Thị Hồng C.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Đỗ Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đỗ Trọng M, sinh ngày 11/7/2008 và chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

- Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Đình chỉ yêu cầu giải quyết tài sản chung của chị Phạm Thị Hồng C.

4. Về nợ: Anh T và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Anh Đỗ Trọng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng, anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004612 ngày 24/01/2024 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
- Trả lại chị Phạm Thị Hồng C số tiền 10.000.000 đồng mà chị C đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004617 ngày 20/02/2024 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 6.900.000 đồng nên không đặt ra giải quyết.

Quyền kháng cáo: Anh Đỗ Trọng T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/7/2024). Chị Phạm Thị Hồng

C, ông Đỗ Trọng T1 và bà Hà Thị T2 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã An Thái;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thành